

Điều 2. — Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc-giang, ông Giám đốc Vụ Tổ chức chịu trách nhiệm thi hành nghị định này:

Hà-nội, ngày 17 tháng 5 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội-vụ

PHAN KẾ TOẠI

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 58 — TC/KTKT ngày 13-5-1958 về việc lĩnh lương mới ở khu vực sản xuất.

Để việc thực hiện chế độ lương mới cho cán bộ công nhân viên thuộc khu vực sản xuất đảm bảo đúng chính sách;

Sau khi thỏa thuận với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng Quốc gia Việt nam và Bộ Lao động,

Bộ chúng tôi quy định thủ tục phát lương mới như sau:

1) Các xí nghiệp chỉ được phát lương mới cho cán bộ công nhân viên, sau khi kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch giá thành và kế hoạch thu chi tài vụ năm 1958 đã được lập chính thức, theo những chỉ tiêu mà Nhà nước đã giao cho, và đã được Bộ chủ quản xí nghiệp chuẩn y.

2) Khi duyệt những kế hoạch trên, các Bộ chủ quản xí nghiệp cần đảm bảo chấp hành tốt những chỉ tiêu sau đây:

a) Không được vượt quá « mức lương bình quân » và « tổng số quỹ lương » mà Nhà nước đã giao cho.

b) Phải đảm bảo hoặc vượt mức chỉ tiêu « số nộp cho dự toán » năm 1958 mà Nhà nước đã giao cho các Bộ, tuyệt đối không hạ thấp chỉ tiêu đó.

3) Khi xét duyệt tổng hợp, nếu các Bộ thấy không đảm bảo thực hiện được tốt những chỉ tiêu nói trên (như vượt quá mức lương bình quân hoặc tổng số quỹ lương, hay không đảm bảo số nộp cho dự toán), thì cần kịp thời báo cáo cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Lao động và Bộ Tài chính, để các cơ quan này nghiên cứu và, nếu xét cần, sẽ đề nghị Hội đồng Chính phủ phê chuẩn cho phép thay đổi các chỉ tiêu đó. Nếu chưa được phê chuẩn thì xí nghiệp chưa được phép phát lương mới; như vậy để tránh ảnh hưởng không tốt tới toàn bộ kế hoạch kinh tế quốc dân và tổng dự toán của Nhà nước.

Thi hành các điều quy định trên đây, có thể có trường hợp việc phát lương mới bị chậm hơn

so với thời gian đã quy định. Để cán bộ công nhân viên không bị thiệt, trong trường hợp này, Bộ chủ quản sẽ báo cáo Chính phủ xét định đặc biệt kéo dài thời gian truy lĩnh.

4) Để giúp Ngân hàng trung ương quản lý quỹ tiền lương của khu vực sản xuất được tốt theo như quyết định 148 ngày 19-3-1958 của Thủ tướng phủ, sau khi các xí nghiệp phát lương mới, ngoài việc báo cáo cho các cơ quan như từ trước đến nay, cần báo cáo thêm cho Ngân hàng Quốc gia Việt nam tiện theo dõi.

Đề nghị Bộ chủ quản xí nghiệp, các cơ quan chủ quản xí nghiệp, và các xí nghiệp có kế hoạch chấp hành nghiêm chỉnh thông tư này.

Hà nội, ngày 13 tháng 5 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 13-LB/TT ngày 14-3-1958 về bổ sung các đối tượng áp dụng của nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955 về chế độ bồi thường tai nạn lao động cho công nhân viên giúp việc Chính phủ.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các Khu, Ty và Phòng Lao động

Đồng kính gửi: Các Bộ, các cơ quan trung ương

Các Ủy ban Hành chính liên khu, khu, tỉnh, thành phố
Hà-nội, Hải-phòng

Nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955 về chế độ bồi thường tai nạn lao động quy định lại điều 15 các điều khoản của văn bản này áp dụng cho « tất cả các hạng công nhân và nhân viên giúp việc, bất luận là lĩnh lương tháng, lương khoán hay lương công nhật ».

Tuy nhiên trong thông tư Liên bộ số 12-TT/LB ngày 24-7-1957 hướng dẫn thi hành nghị định trên chưa giải thích cụ thể về các đối tượng áp dụng chế độ, do đó trong quá trình thực hiện chính sách các nơi rất lúng túng đối với hai loại lĩnh lương khoán và lương ngày.

Vì chưa phân biệt giữa người làm công ăn lương khoán và người lĩnh khoán điều kiện làm việc căn bản có khác nhau nên các nơi đã áp dụng tràn lan chế độ bồi thường tai nạn lao động.

Ngoài ra, đối tượng lĩnh lương ngày cũng có hai hạng: công nhật thường xuyên và công nhật tạm tuyến (hay thuê mượn ngắn hạn) cho nên các nơi cũng do dự không biết cả hai hạng công nhật trên đều được hưởng theo nghị định 111-NĐ/LB hay chỉ có hạng công nhật thường xuyên.

Để các Khu, Ty có thể giải quyết các mắc mứu trên, Bộ giải thích chi tiết về các đối tượng áp dụng của nghị định số 111-NĐ/LB như sau:

Nguyên tắc cơ bản để xét đối tượng áp dụng luật lệ bồi thường tai nạn lao động là ở chỗ người công nhân phải đặt dưới sự ĐIỀU KHIỂN của đơn vị sử dụng thì khi xảy ra tai nạn, đơn vị này mới có trách nhiệm bồi thường. (Điều khiển có nghĩa là: bố trí công tác, xếp đặt công việc, kiểm tra, đôn đốc, trông nom trong thời gian người công nhân làm việc).

Căn cứ vào nguyên tắc trên, tất cả công nhân lao động tuyến dụng hay thuê mượn, là người **LÀM CÔNG ẮN LƯƠNG** của đơn vị, bất luận là:

— Lương tháng (trong biên chế)

— Lương ngày:

Công nhật thường xuyên

Tạm tuyến để làm một việc nhất định trong một thời gian hay làm theo vụ, theo mùa.

Thuê mượn ngắn hạn.

— Lương khoán (lương khoán cố định mức áp dụng cho những người đã sắp xếp theo cấp bậc và lương khoán không định mức theo sản phẩm hay theo khối lượng công việc áp dụng cho những người chưa sắp xếp).

Làm việc theo giờ chính thức đã quy định theo nội quy của đơn vị, có người của đơn vị đôn đốc trông nom, đều là đối tượng áp dụng của nghị định số 111-NĐ/LB.

★

Trái lại, những người lãnh khoán (bất luận dưới hình thức nào), làm việc hoàn toàn tự do, không có sự điều khiển của đơn vị giao khoán, theo nguyên tắc trên, không thuộc phạm vi thi hành của nghị định số 111-NĐ/LB. Ví dụ các trường hợp lãnh khoán dưới đây:

— Khoán từng việc do chính người thợ trực tiếp thương lượng giá khoán với đơn vị và nhận khối lượng công tác (thợ điện nhận mắc khoán điện vào một hội trường).

— Khoán gia công đem việc về nhà làm (thợ giầy nhận da của Mậu dịch đem về nhà đóng thành giầy các kiểu).

— Khoán qua một người đứng trung gian thương lượng giá khoán với đơn vị và nhận khối lượng công tác.

a) Nếu người đứng trung gian là một tư sản có dụng cụ sản xuất hay nhà máy, bản thân không lao động, nhưng thuê người làm công để thực hiện khối lượng công việc đã nhận khoán, quan hệ giữa người này và các người làm công là quan hệ thợ chủ. Tai nạn lao động xảy ra giải quyết theo điều 16 và điều 17 bản điều lệ điều chỉnh quan hệ giữa người làm công và chủ xí nghiệp tư doanh (chủ có trách nhiệm bồi thường). Ví dụ: Chủ nhà máy của tư doanh nhận cửa khoán gỗ cho Công ty Lâm thổ sản. Nếu công nhân nhà máy bị tai nạn thì chủ nhà máy cửa phải bồi thường theo điều 16 và 17 bản điều lệ nói trên chứ không phải Công ty Lâm thổ sản phải bồi thường theo nghị định số 111.

b) Nếu người đứng trung gian là một công nhân trong một tập đoàn thợ được anh em cử làm đại diện đi giao thiệp với đơn vị để lãnh khoán, công việc phân phối cùng nhau làm, quan hệ giữa người công nhân trung gian với các công nhân khác trong tập đoàn là quan hệ hợp tác. Nếu vì công việc mà xảy ra tai nạn, người đứng trung gian không có trách nhiệm bồi thường mà toàn thể tập đoàn có trách nhiệm giúp đỡ nhau.

Các tập đoàn thợ nói chung, cần có nội quy và cần thành lập quỹ xã hội để giúp đỡ nhau khi có việc cần (ốm đau, tai nạn, thai sản...).

Đối với các anh em lãnh khoán nói trên tuy không áp dụng chế độ chung bồi thường tai nạn lao động quy định tại nghị định số 111-NĐ/LB, nhưng đơn vị giao khoán vẫn có trách nhiệm:

1) Nếu anh em làm tại chỗ (nghĩa là không đem việc về nhà, nhưng làm ngay tại đơn vị), khi giao việc cần nói rõ anh em biết những chỗ nguy hiểm (ví dụ: nhắc nhở anh em quét vôi khoán thân trọng khi sắp quét đến chỗ tường nhà máy ở trên cao có hệ thống dẫn điện cao thế chuyển vào mền bên trong và phải báo trước cho quản đốc biết để ra lệnh tạm cắt điện) và giúp đỡ anh em về dụng cụ, kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

2) Trường hợp có tai nạn xảy đến cho anh em lãnh khoán đang khi tiến hành công việc tại đơn vị, phải tổ chức ngay việc cấp cứu tại chỗ cũng như đối với công nhân trong biên chế và nếu cần, đưa nạn nhân đi bệnh viện (đơn vị đài thọ tiền chuyên chở).

Nói chung tùy khả năng và hoàn cảnh cụ thể từng người, nếu thực sự nghèo túng và đoán thế của mình cũng chưa có quỹ xã hội để giúp đỡ, sau khi vào bệnh viện, anh em có thể được hưởng cứu tế theo các quy định chung của Bộ Cứu tế xã hội như đối với nhân dân lao động khác, cụ thể là:

« Cách thanh toán viện phí, mai táng phí và các trợ cấp khác, sau khi cơ quan Y tế và Ủy ban Hành chính địa phương hoặc Sở Cứu tế xác nhận

thì được sử dụng vào quỹ cứu tế chung của địa phương» (công văn số 151-VPCTXH ngày 20-1-58 của Bộ Cứu tế xã hội).

Ngoài ra trong trường hợp đơn vị muốn chiếu cố giúp đỡ thêm người bị nạn bằng cách này hay cách khác (hoặc trợ cấp một số tiền cho gia đình người tử nạn) thì việc đó là ngoài lệ, trường hợp đặc biệt không quy định thành chế độ chung.

Các Khu, Ty nghiên cứu nắm vững nội dung thông tư này, vận dụng chính sách vào mỗi trường hợp cá biệt nếu có khó khăn gì thì báo cáo về Bộ góp ý kiến giải quyết.

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ THƯƠNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 56-BTN/KDND ngày 26-4-1958 giải thích và hướng dẫn thi hành nghị định của Thủ tướng Chính phủ về thống nhất thu mua thuốc lá

Tiếp theo nghị định số 214-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26-4-1958 về việc thống nhất thu mua thuốc lá nguyên lá và thuốc lá sợi. Bộ thông tri hướng dẫn việc thi hành nghị định đó như sau:

I. — TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỐNG NHẤT THU MUA VÀ QUẢN LÝ CHẶT CHẼ ĐỀ THU MUA :

Từ hòa bình lập lại ta đã đẩy mạnh việc trồng thuốc lá, do đó sản lượng mỗi năm một tăng thêm : năm 1956 sản xuất chừng 900 tấn, năm 1957 tăng lên khoảng 1.200 tấn và năm 1958 có thể tăng hơn nữa, nếu ta quản lý tốt được sản xuất và tiêu dùng thì không những có thể đủ cung cấp cho nhu cầu nội địa mà còn có thể xuất khẩu một phần.

Về quản lý thị trường, năm 1956 và năm 1957 đã dùng nhiều biện pháp như : cắt toàn bộ buôn chuyển thuốc sợi—liên hiệp thu mua với các nhà sản xuất thuốc điếu, do đó ta đã thu mua được một số thuốc cung cấp cho nhà máy Thăng long và cung cấp cho nhu cầu trong nước. Sắp xếp toàn bộ các nhà sản xuất thuốc lá điếu và các loại thương nhân buôn thuốc lá điếu—làm cho thị trường thuốc lá đang bị lũng đoạn nghiêm trọng, nay đang được ổn định dần dần.

Song kiểm điểm lại còn nhiều thiếu sót và khó khăn :

Sự lũng đoạn của các nhà sản xuất thuốc điếu tuy đã bị loại trừ, nhưng thị trường tự do còn khá mạnh, đặc biệt là ở vùng sản xuất thuốc lá, việc mua bán tự do trực tiếp giữa người tiêu thụ và người sản xuất còn nhiều, thương nhân đầu cơ buôn lậu có nơi còn phổ biến, do đó đã gây nhiều khó khăn cho ta như :

— Thuốc lá sản xuất nhiều nhưng Nhà nước chỉ thu mua được ít, (năm 1957 chỉ mua được 40% so với sản xuất). Nông dân không bán thuốc tốt cho Nhà nước, trong số 500 tấn ta mua được thuốc loại một chỉ chiếm chừng 5% còn đa số là thuốc loại 2 trở xuống. Ta còn phải nhập thêm thuốc ngoại mới đảm bảo cho nhà máy sản xuất.

— Nhà máy không đủ nguyên liệu tốt để sản xuất, nên thuốc tốt thiếu, luôn luôn bị đầu cơ thuốc xấu lại nhiều nhưng sản xuất ra không bán được.

— Sản xuất của nông dân bị quy luật giá trị chi phối nên vô tổ chức, nhiều nơi năm 1957 đã phát triển bừa bãi, không có kế hoạch trồng cũng trồng, có nơi thuốc lá lẫn các hoa màu khác, ngược lại nơi cần khuyến khích thì sụt mức. Do đó ảnh hưởng đến việc hướng dẫn chế biến thuốc nguyên lá theo yêu cầu nguyên liệu của Nhà máy.

— Hiện tượng lậu thuế rất phổ biến, Nhà nước bị thất thu lớn.

— Việc tự do mua bán và lậu thuế còn gây tình trạng mất đoàn kết ở nông thôn, người bán cho Nhà nước được hưởng giá phải chăng, người tích trữ đem bán trực tiếp cho người dùng và buôn lậu lại được giá cao, do đó suy tỵ lẫn nhau đồng thời gây quan hệ không tốt giữa Nhà nước và nhân dân.

Năm nay ta cần phải đẩy mạnh việc quản lý lên một bước, bỏ khuyết những sơ hở đó — cho nên ngày 26 tháng 4-1957 Thủ tướng Chính phủ đã ra nghị định thống nhất thu mua thuốc lá.

Thực hiện thống nhất thu mua thuốc lá là để Nhà nước nắm được đại bộ phận nguồn hàng, đảm bảo được nguyên liệu cho nhà máy quốc doanh, đảm bảo nhu cầu cho người tiêu thụ cả về số lượng và chất lượng; bãi trừ bọn đầu cơ buôn lậu, bình ổn được vật giá; không những cung cấp được thỏa mãn cho nhu cầu trong nước, mà còn thêm một phần vật tư xuất khẩu; đảm bảo được cho nông dân an tâm sản xuất, củng cố khối công nông liên minh, hướng dẫn được sản xuất có kế hoạch, tạo điều kiện đưa nông dân vào con đường tập thể hóa, đồng thời đảm bảo được thuế của Nhà nước.